

Bản án số: 175/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 12/6/2025

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Việt Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Mạnh Tường.

Ông Nguyễn Tiến Bộ.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Vinh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Luân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 68/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị D**, sinh ngày 10/9/1990.

Số căn cước công dân: 001192006453.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn C**, sinh ngày 25/6/1988.

Số căn cước công dân: 001088005358.

Đều đăng ký thường trú: Đội 12, thôn V, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội.

(Nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị D trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Nguyễn Văn C tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 09/7/2013 tại UBND xã H. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh C làm dâu và vợ chồng vào trong Lâm Đồng sinh sống. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm, lối sống, anh C ham chơi, nghiện hút và 02 lần phải đi cai nghiện, không tu chí làm ăn, không chăm lo cho gia đình vợ con. Chị đã tìm nhiều biện pháp để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm cuối năm 2019 đến nay, mỗi người một cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai, chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đ, xã A,

huyện M, Tp Hà Nội sinh sống từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh Nguyễn Văn C.

- *Về con chung*: Chị và anh Nguyễn Văn C có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 01/7/2014 và cháu Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 20/01/2019. Hiện nay cháu P và cháu N đang ở với anh C và ông bà nội. Nay ly hôn, anh C có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung thì chị đồng ý, trường hợp anh C không nuôi con thì chị xin trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con và chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 11/4/2025, bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Nguyễn Thị D tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 09/7/2013 tại UBND xã H. Vợ chồng anh chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hòa hợp, chung sống không có tình cảm. Anh đã động viên chị D nhiều lần để vợ chồng về đoàn tụ chăm sóc các con nhưng chị D không nghe. Vợ chồng anh đã ly thân từ năm 2020 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai, chị D đã tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đ, xã A, huyện M, thành phố Hà Nội sinh sống từ đó đến nay. Nay chị Nguyễn Thị D xin ly hôn thì anh đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị D. Do công việc bận nên anh không đến Tòa án làm việc được và anh đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt anh.

- *Về con chung*: Anh và chị Nguyễn Thị D có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 01/7/2014 và cháu Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 20/01/2019. Hiện nay cháu P và cháu N đang ở với anh. Ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi cả hai con và anh không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 11/4/2025, tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, thành phố Hà Nội thể hiện: chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn C có đăng ký kết hôn **số 72/2013** ngày 09/7/2013 tại UBND xã H. Hiện nay đời sống chung vợ chồng giữa chị D và anh C xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, cuộc sống chung vợ chồng không hòa thuận, mục đích hôn nhân không đạt được. Địa phương đã nhiều lần khuyên giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân. Chị D và anh C có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 01/7/2014 và cháu Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 20/01/2019. Hiện nay cháu P và cháu N đang ở với anh C tại địa phương. Quan điểm của địa phương: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Văn C vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức (Thẩm phán, Thư ký Tòa án) đã thụ lý, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật có liên quan trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định

của pháp luật có liên quan trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa hôn nay, bị đơn mặc dù được Tòa án nhiều lần giao các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không đến làm việc, nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị D, xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 01/7/2014 và cháu Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 20/01/2019. Anh C có nguyện vọng xin nuôi dưỡng cả hai con và chị D đồng ý. Do vậy, giao anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Nguyễn Hoàng P và Nguyễn Thị Hồng N. Ghi nhận sự tự nguyện của anh C về việc không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị D phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu xin ly hôn anh Nguyễn Văn C nên thuộc tranh chấp về *Ly hôn* theo quy định khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn C có đăng ký thường trú tại: Đ, thôn V, xã H, huyện M, Hà Nội nên thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức theo quy định điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo thủ tục chung.

Về nội dung:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:*

Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn C được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện M vào ngày 09/7/2013 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, mỗi người một nơi, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Chị D xin ly hôn, anh C đồng ý. Xét thấy, các quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng trong quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn C đã bị vi phạm nghiêm trọng, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích

hôn nhân không đạt được, hiện nay sống ly thân mỗi người một nơi. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị D và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn C có 02 con chung Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 01/7/2014 và Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 20/01/2019. Cả hai con chung đều khỏe mạnh và hiện nay đang ở với anh C.

Xét yêu cầu giao con chung Nguyễn Hoàng P và Nguyễn Thị Hồng N cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc của chị D, Hội đồng xét xử thấy: Từ khi chị D và anh C ly thân đến nay, cháu P và cháu N sinh sống, học tập ổn định với anh C, các cháu đều được anh C chăm sóc, nuôi dưỡng và phát triển bình thường. Anh C mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và chị D đồng ý. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi, tạo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển toàn diện của con chung, phù hợp với sự tự nguyện của các đương sự nên cần thiết chấp nhận yêu cầu của chị D và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, theo đó giao 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng P và Nguyễn Thị Hồng N cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của anh C không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự xác nhận không có, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. *Về C kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 72/2013, ngày 09/7/2013 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, thành phố Hà Nội;

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị D đối với anh Nguyễn Văn C.

Xử: chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

2. *Về con chung*: Xác nhận chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn C có 02 con chung Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 01/7/2014 và Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 20/01/2019.

Giao 02 con chung Nguyễn Hoàng P và Nguyễn Thị Hồng N cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Ghi nhận sự tự nguyện của anh C không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị D đến khi có quyết định thay đổi khác.

Sau khi ly hôn, chị D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con và các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0077102 ngày 21/3/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

5. *Về C kháng cáo*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D và bị đơn anh Nguyễn Văn C vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Mỹ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Đức;
- **UBND xã Hợp Thanh;**
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Việt Cường

